

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày 12/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Bình.
2. Bà Vũ Thị Hồng Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 19/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 31/8/2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn N, sinh ngày 04/01/1988, tại: Huyện V, tỉnh L.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Văn O, sinh năm 1961; con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1957.

Vợ: Dương Thị H, sinh năm 1992 (đã ly hôn ngày 04/7/2023); bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014. Hiện đều trú tại: Thị trấn K, huyện V, tỉnh L.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án, ngày 04/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 04/10/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 04/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, đến ngày 20/4/2018 chấp hành xong (đã được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: 1/ Ông Vừ A R, sinh năm 1986 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1963 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số x, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/5/2023, ông Vừ A R (sinh năm 1986; trú tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Y) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen đỏ, BKS 25B1 - 385.xx dựng trên vỉa hè trước cổng chợ trung tâm huyện V thuộc tổ dân phố số x, thị trấn K, huyện V, tỉnh L rồi đi ăn cơm nhưng quên rút chìa khóa điện. Một lát sau, Hoàng Văn N đi bộ đến khu vực trên, quan sát thấy xe còn cắm chìa khóa, xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Ngoan ngời lên xe, mở chìa khóa điện rồi điều khiển xe đi theo quốc lộ 279 về huyện V, tỉnh Y. Đến khoảng 09 giờ ngày 04/5/2023, N điều khiển chiếc xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe mô tô cũ của ông Nguyễn Trọng K (sinh năm 1963), tại tổ dân phố số x, thị trấn M, huyện V, tỉnh Y cầm cố xe mô tô lấy 3.000.000 đồng. N nói với ông K là bị mất giấy tờ xe nên đề căn cước công dân và giấy phép lái xe mô tô của mình lại, ông K đồng ý. Sau đó N quay về thị trấn K và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Đến 23 giờ 00 phút ngày 04/5/2023, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, N đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Bàn đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu sơn đen đỏ; biển số đăng ký 25B1-385.xx có giá trị 7.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKS-VB ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Hoàng Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng K 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/5/2023 Hoàng Văn N quan sát thấy xung quanh không có ai nên đã lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 25B1-385.xx của ông Vũ A R dựng trên vỉa hè trước cổng chợ trung tâm huyện V có trị giá 7.600.000đ. Sau khi lấy được xe bị cáo điều khiển về thị trấn M, huyện V, tỉnh Y vào quán mua bán xe mô tô cũ của ông Nguyễn Trọng K cầm cố xe lấy 3.000.000 đồng, rồi quay về thị trấn K, huyện V tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Như vậy, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định: ngày 03/5/2023, bị cáo N đã trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 25B1-385.xx của ông Vũ A R có trị giá 7.600.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Hoàng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, sử dụng ma túy, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Ngoài ra bị cáo có 01 tiền án, ngày 04/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/10/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Ngày 04/7/2017 đã bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, đến ngày 20/4/2018 chấp hành xong quyết định nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo ngày 04/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 04/10/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích như vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú; gia đình thuộc hộ nghèo tại địa phương, không có tài sản riêng gì có giá trị. Nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: - Gia đình ông Vũ A R đã nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô BKS 25B1 - 385.xx và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Trọng K là người đã cho Hoàng Văn N vay 3.000.000 đồng và giữ xe mô tô BKS 25B1 - 385.xx cùng giấy tờ tùy thân của bị cáo N để làm tin nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Ông K yêu cầu Hoàng Văn N phải hoàn trả 3.000.000 đồng đã vay. Hoàng Văn N đồng ý trả số tiền trên nhưng hiện chưa có trả nên cần buộc bị cáo trả cho ông K số tiền này.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2023 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng K 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền đã vay của ông Nguyễn Trọng K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự;

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- Sở Tư pháp (01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái